TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16/9/2025.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lý Đức Hiệp**;

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lý Ngọc Sáng**;

2. Bà **Lý Thị The**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thào Thị Nhung** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Tâm** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 09 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Lai Châu mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 15/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn",theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự sau:

1. Nguyên đơn: Chị **Quàng Thị X**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Bản Nậm Manh, xã Nậm Manh, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu (Nay là Bản Nậm Manh, xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu)

- *Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.*

2. Bị đơn: Anh **Vàng Văn S**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Bản Nậm Manh, xã Nậm Manh, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu (Nay là Bản Nậm Manh, xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu)

- *Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vàng Văn S đến với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 20/3/2015 tại UBND xã Nậm Manh, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu (Nay là UBND xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu). Sau khi kết hôn, chị và anh S chung sống hòa thuận hạnh phúc nhưng đến tháng

9/2024 vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Anh S thường xuyên đi uống rượu cùng bạn bè rồi về nhà có những hành vi bạo lực kèm theo cả những lời nói xúc phạm đến chị và gia đình chị. Đã rất nhiều lần hai bên gia đình nội ngoại, góp ý khuyên bảo anh S thay đổi để vợ con bớt khổ nhưng không có kết quả. Hiện chị và anh S đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay và không còn ai quan tâm đến ai nữa, bản thân chị xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 4-Lai Châu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vàng Văn S.

Về con chung: Chị và anh S có 03 con chung. Con thứ nhất tên Quàng Thị Tr, sinh ngày 18/10/2013. Con thứ hai tên Quàng Thị P, sinh ngày 18/03/2015. Con thứ ba tên Vàng Văn B, sinh ngày 23/01/2021. Nguyện vọng của chị là giao cả 03 con chung cho anh Vàng Văn S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) *(hiện tại cả ba con đang sống cùng anh S tại bản Nậm Manh, xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu)*.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn anh Vàng Văn S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ và niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp Kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, anh S đều vắng mặt không có lý do, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì vậy Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và mở phiên hòa giải đoàn tụ cho anh chị được.

Tại biên bản xác minh với chính quyền địa phương ngày 24/6/2025 cho biết: Chị Quàng Thị X và anh Vàng Văn S có thực hiện việc đăng ký kết hôn vào ngày 20/3/2015 tại UBND xã Nậm Manh, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu (Nay là UBND xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu). Sau khi đăng ký kết hôn anh S, chị X về chung sống cùng nhà với bố mẹ chồng tại bản Nậm Manh. Quá trình chung sống tại địa bàn xã, vợ chồng thời gian đầu chung sống vui vẻ, hạnh phúc. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng trẻ có lúc xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã, đánh chửi nhau nhưng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng thường tự giải quyết trong nội bộ gia đình nên chưa có lần nào phải nhờ đến lãnh đạo bản, lãnh đạo xã đứng ra can thiệp hay tổ chức hòa giải. Do đó, chính quyền địa phương không nắm rõ được nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là gì. Về con chung chính quyền địa phương xác nhận chị X, anh S có 03 con chung. Con thứ nhất tên Quàng Thị Tr, sinh ngày 18/10/2013; Con thứ hai tên Quàng Thị P, sinh ngày 18/03/2015; Con thứ ba tên Vàng Văn B, sinh ngày 23/01/2021. Cả 03 con chung đều được anh S và chị X đăng ký khai sinh tại UBND xã Nậm Manh (Nay là UBND xã Nậm Hàng). Hiện cả 03 cháu đang sinh sống cùng với anh S và ông bà nội tại bản Nậm Manh, xã Nậm Manh, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu (Nay là Bản Nậm Manh, xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu) và đều được gia đình hai bên nội, ngoại quan tâm, chăm sóc, phát triển khỏe mạnh.

Việc chị Quàng Thị X có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con khi ly hôn đối với anh Vàng Văn S thì quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án tiến hành xác minh, căn cứ lời khai của các đương sự để giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

Tại Biên bản xác minh với bà Lý Thị P (Mẹ đẻ anh Vàng Văn S) ngày 24/6/2025 cho biết: Chị X, anh S đến với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nậm Manh, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu (Nay là UBND xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu) và được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương xã bản Nậm Manh. Sau khi được gia đình tổ chức lễ cưới chị X và anh S cùng về chung sống với gia đình bà tại bản Nậm Manh, xã Nậm Manh (Nay là Bản Nậm Manh, xã Nậm Hàng). Quá trình vợ chồng anh S, chị X chung sống cùng gia đình bà thời gian đầu vợ chồng vui vẻ, hạnh phúc vợ chồng không có mẫu thuẫn gì với nhau. Tính tình anh S ít nói, chịu khó làm ruộng, làm nương, còn chị X thì được Nhà nước chia ruộng cho cũng không muốn làm. Là do chị X tự bỏ nhà đi chứ giữa hai vợ chồng không có đánh, cãi, chửi xúc phạm nhau như chị X nói. Ngày chị X sinh con cũng bỏ đi làm, không nuôi con ngày nào, các cháu chủ yếu là do anh S và bà nuôi lớn nên các cháu thường gọi bà là mẹ và gọi chị X bằng chị. Gia đình bà cũng nhiều lần khuyên bảo chị X thay đổi để vợ chồng cùng nhau làm ăn để nuôi dạy con cái nhưng cũng không có kết quả, cuối năm 2024 chị X tự bỏ nhà đi làm cho đến nay rồi bây giờ quay về làm đơn ly hôn với anh S nên bà khi được lãnh đạo bản, cán bộ Tòa án thông báo thì bà cũng thấy bất ngờ. Quá trình chung sống với nhau chị X, anh S có 03 con chung hiện đang ở cùng với bà và anh S tại bản Nậm Manh, xã Nậm Manh (Nay là bản Nậm Manh, xã Nậm Hàng) và đều được gia đình quan tâm, chăm sóc, phát triển khỏe mạnh. Công việc ở nhà của bà chỉ làm ruộng nương và chăn nuôi nên không có thu nhập ổn định nhưng hàng tháng anh S, chị X vẫn gửi tiền về cho bà để nuôi các cháu. Bà P xác định, anh S đang đi làm ăn ở trong miền Nam từ cuối năm 2024 cho đến nay và cả hai vợ chồng đã không còn chung sống với nhau nữa. Việc anh S đi làm xa nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã thông báo cho anh S biết. Trao đổi với bà qua điện thoại, anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh S có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con nên anh S đề nghị Tòa án tạm giao con chung cho anh S và anh s nhờ bà P chăm sóc, nuôi dưỡng. Trường hợp chị X cũng có nguyện vọng giao cả 03 con chung cho anh S nuôi dưỡng thì bà nhất trí vì các cháu từ nhỏ đã quen ở với bà, trong thời gian anh S đi làm ăn xa chưa thể về thì bà cũng sẽ hỗ trợ anh S trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu. Do đang sinh sống và làm việc ở miền Nam nên anh S không đến Tòa án để làm việc được.

Nay chị Quàng Thị X có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con khi ly hôn đối với anh Vàng Văn S thì bà cũng không mong muốn nhưng nếu chị X cương quyết muốn ly hôn với anh S thì bà cũng không can thiệp, để vợ chồng tự quyết định.

* Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Lai Châu phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi Thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đúng, đảm bảo quyền nghĩa vụ theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35; 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2025); Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị X được ly hôn với anh Vàng Văn S.

Về nuôi con chung: Giao 03 con chung là cháu Quàng Thị Tr, sinh ngày 18/10/2013; Quàng Thị P, sinh ngày 18/03/2015 và Vàng Văn B, sinh ngày 23/01/2021 cho anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Do đương không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Quàng Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn, xét yêu cầu khởi kiện của chị X là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật nên cần chấp nhận. Toà án xác định đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn".

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Vàng Văn S có đăng ký thường trú tại bản Nậm Manh, xã Nậm Manh, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu (Nay là

Bản Nậm Manh, xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu) vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lai Châu được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025).

[1.3] Về điều luật áp dụng: Chị X và anh Vàng Văn S kết hôn năm 2015 nên Toà án sẽ áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân và để giải quyết vụ án.

[1.4] Về việc vắng mặt đương sự: Tòa án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 175, Điều177 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc anh S không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự là do anh S đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Ngày 29/7/2025, chị X có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Ngày 13/8/2025 Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lai Châu đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, chị X có đơn xin xét xử vắng mặt, còn anh Vàng Văn S tiếp tục vắng mặt lần thứ hai mà không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của chị X và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh Vàng Văn S tự nguyện kết hôn và được UBND xã Nậm Manh, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu (Nay là UBND xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/3/2015. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh S là hợp pháp.

Theo các tài liệu chứng cứ thu thập được thì nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị X và anh S là do quan điểm sống bất đồng, vợ chồng trẻ nên chưa biết nhường nhịn và thấu hiểu nhau nên thường xuyên cãi vã trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày từ đó mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Năm 2024 chị X và anh S đều bỏ đi làm ăn xa và hai vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân cũng đã không còn ai quan tâm đến ai, kinh tế vợ chồng hoàn toàn độc lập càng làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng dạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Nhận thấy việc chị X và anh S đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay thể hiện việc cả hai anh chị đã vi phạm nghĩa vụ của người vợ, người chồng, dẫn đến không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ, cùng chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình với nhau theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Vàng Văn S vắng mặt tại phiên họp Kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như vắng mặt phiên tòa xét xử không có lý do. Điều này thể hiện sự không thiện chí trong việc hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, cũng như việc tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình của bị đơn.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã phát sinh kéo dài, thời gian vợ chồng sống ly thân đã quá lâu, không còn quan tâm đến nhau hay một trong hai bên tìm cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thể hiện mâu thuẫn giữa chị X, anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X về việc đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vàng Văn S là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để mỗi người có điều kiện tạo lập cuộc sống mới cho riêng mình.

[2.2] Về con chung: Chị X và anh Vàng Văn S có 03 con chung. Con thứ nhất tên Quàng Thị Tr, sinh ngày 18/10/2013; Con thứ hai tên Quàng Thị P, sinh ngày 18/03/2015; Con thứ ba tên Vàng Văn B, sinh ngày 23/01/2021. Hiện nay cả 03 cháu đang ở với anh S và ông bà nội tại bản Nậm Manh, xã Nậm Manh (Nay là bản Nậm Manh, xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu). Sau khi ly hôn chị X có nguyện vọng giao cả 03 con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về phía anh Vàng Văn S tuy không thể hiện ý kiến của mình bằng văn bản về việc nuôi con gửi cho Tòa án nhưng qua xác minh với đại diện gia đình thì anh S cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tính đến thời điểm giải quyết vụ án, cháu Quàng Thị Tr và Quàng Thị P đã trên 7 tuổi (cháu Tr 12 tuổi và cháu P 10 tuổi). Tại Biên bản ghi nhận ý kiến về nguyện vọng của cháu Quàng Thị Tr và Quàng Thị P thì cả 02 cháu đều thể hiện sự mong muốn của mình là được ở với bố và ông bà nội vì các cháu đã quen ở với bố và ông bà nội từ nhỏ. Do đó để đảm bảo sự ổn định và sự phát triển về mọi mặt của con chung, HĐXX chấp nhận giao cho anh Vàng Văn S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 03 con chung cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và các Điều 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau này nếu chị X có căn cứ cho rằng anh S không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung nữa thì chị có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị Quàng Thị X có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.5] Về án phí: Chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 -Lai Châu tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35; 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025);

- Căn cứ vào Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Quàng Thị X được ly hôn với anh Vàng Văn S.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Quàng Thị Tr, sinh ngày 18/10/2013; Quàng Thị P, sinh ngày 18/03/2015 và Vàng Văn B, sinh ngày 23/01/2021 cho anh Vàng Văn S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Quàng Thị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị X phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị Xuất đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000487 ngày 04/6/2025 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu. Chị X đã nộp đủ án phí HNGĐ-ST.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Lai Châu;
- UBND xã Nậm Hàng, tỉnh Lai Châu;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ. /.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý Đức Hiệp